

Bản án số: 238/2026/HS-PT

Ngày 13 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Huân.

2. Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khả - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/HSPT ngày 13 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T và bị cáo Phan Thị Bích P do có kháng cáo của hai bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1962 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 2 T, Phường A, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 2 đường số G, Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành P1 và bà Nguyễn Thị C; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023; tại ngoại, có mặt.

2. Phan Thị Bích P, sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 1 P, Phường G, quận P (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 3 V, phường A, Quận A (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hoá: 11/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T1 và bà Diệp Thị Thu H; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023; tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho 02 bị cáo:* Ông Trần Minh H1, Luật sư của Văn Phòng L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

- *Bị hại:* Các ông (bà) Nguyễn Võ Bích T2, sinh năm: 1991; Lê Thị B, sinh năm 1942; Lê Hồng T3, sinh năm: 1988; cùng địa chỉ: 3 P, Phường B, quận P (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2022, Nguyễn Võ Bích T2 hỏi mượn Nguyễn Thị Thu T số tiền 75.000.000 đồng nhưng T không có nên giới thiệu T2 cho C1 (không rõ nhân thân lai lịch) vay thời hạn 03 tháng, C1 đồng ý cho T2 mượn số tiền trên. T2 và C1 có làm giấy mượn nợ, T là người làm chứng, sau khi nhận đủ số tiền trên thì T2 bỏ đi, không liên lạc, không trả số tiền cho C1. Chỉ tìm T để đòi tiền, T đã trả cho C1 số tiền 79.000.000 đồng mà T2 đã vay của C1 vào tháng 04/2023. Vì vậy, T2 phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho T.

Đến tháng 05/2023, T đến nhà của T2 tại địa chỉ số C P, Phường B, quận P (nay là phường C, Tp .) tìm T2 để đòi số tiền trên nhưng không gặp và có nói sự việc T2 nợ tiền của T cho gia đình T2 biết, rồi đi về. Sau đó, T tìm cách liên lạc với T2 nhưng không được. Để gây sức ép cho gia đình T2, buộc T2 trả số tiền 79.000.000 đồng, T thuê Phan Thị Bích P làm nghề chạy xe ôm chở nam thanh niên (chưa rõ nhân thân lai lịch) đến nhà địa chỉ số C P, Phường B, quận P (nay là phường C, Tp .) vào các ngày 17/9/2023, 06/10/2023, 11/10/2023 và 02/11/2023 tạt chất bẩn vào cửa nhà. T trả công cho P 100.000 đồng/lần chở và 200.000 đồng/lần tạt chất bẩn cho nam thanh niên. Chất bẩn do T mua của nam thanh niên này với giá 100.000 đồng cho một lần tạt chất bẩn.

Phan Thị Bích P khai nhận: P làm nghề chạy xe ôm, được Nguyễn Thị Thu T thuê chở nam thanh niên (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi tạt chất bẩn vào nhà số C P, Phường B, quận P (nay là phường C, Tp .). Vào các ngày 17/9/2023, 06/10/2023, 11/10/2023 và 02/11/2023, P điều khiển xe máy hiệu xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59E1-750.72 chở nam thanh niên trên đến trước nhà số C P, Phường B, quận P, P dừng xe lại, nam thanh niên xuống xe tạt chất bẩn vào cửa nhà trên, sau khi tạt xong nam thanh niên lên xe P chờ sẵn chờ tẩu thoát. T trả công cho P 100.000 đồng cho một lần chở nam thanh niên đi tạt chất bẩn. Tuy nhiên, lần đầu tiên vào ngày 17/9/2023, P không biết việc nam thanh niên tạt chất bẩn vào nhà số C P, Phường B, quận P (nay là phường C, Tp .) mục đích để làm gì, các lần sau P biết được mục đích tạt chất bẩn để Nguyễn Võ Bích T2 trả số tiền 79.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Thu T.

Ngày 13/11/2023, Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P (nay là phường C, Tp .) có công văn số 337/UBND với nội dung: Vụ việc tạt chất bẩn xảy ra tại nhà 3 P, Phường B, quận P đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS.PN ngày 08/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Phan Thị Bích P về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Thị Bích P 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền 400.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của bà Lê Thị B.

Xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 31/12/2025, bị cáo Nguyễn Thị Thu T và bị cáo Phan Thị Bích P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử không phạm tội cưỡng đoạt tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Hai bị cáo T, P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt theo hướng không phải chấp hành hình phạt tù.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T và bị cáo Phan Thị Bích P là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có oan sai. Hai bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho 02 bị cáo trình bày: bản án sơ thẩm quy kết hai bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” là chưa có căn cứ vững chắc, bởi các bị cáo không uy hiếp, bắt giữ bị hại để ép trả tiền, bị hại bị tổn thương về tinh thần và có đơn tố giác về hành vi này. Ngoài ra, còn dùng tình tiết định tội là “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn*” thành tình tiết định khung

do tội mà các bị cáo phạm là tội “Gây rối trật tự công cộng”. Trong vụ án còn có bỏ lọt tội phạm là tên C1. Từ đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như tích cực hợp tác; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; lỗi một phần từ phía bị hại trốn không trả nợ cho bị cáo T; bị cáo P xuất thân trong gia đình lao động nghèo; bị cáo T là người có bệnh, mồ côi nuôi các con, quy định tại điểm t, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P đồng phạm giúp sức không đáng kể, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho họ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức hình phạt khoan hồng không phải chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo T đồng ý với luận cứ bào chữa của luật sư và trình bày bổ sung xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo và bị cáo P cho họ có cơ hội ở ngoài không phải chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo P đồng ý với luận cứ bào chữa của luật sư, không trình bày bổ sung.

- Kiểm sát viên đối đáp: hành vi khách quan của các bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” với 02 tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tình tiết “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn*” là định tội của tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đối với đối tượng tên Chí thì Cơ quan điều tra đang truy tìm khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Các bị cáo chỉ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thực hiện hành vi tạt chất bẩn 04 lần. Do đó, các bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự. Mức án mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên là trong khung hình phạt ở mức khởi điểm và trên mức khởi điểm 03 tháng là có căn cứ. Vì vậy, Kiểm sát viên bảo lưu quan điểm giải quyết vụ án.

- Nói lời sau cùng các bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải khoan hồng cho họ có cơ hội ở ngoài không phải chấp hành hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào cuối năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã đứng ra vay số tiền 75.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Võ Bích T2 từ người tên C1 (không rõ nhân thân lai lịch) vay thời hạn 03 tháng. Sau đó, T2 không trả tiền cho C1, C1 tìm bị cáo T đòi tiền và T đã trả số tiền này cho C1 vào tháng 04/2023. Vì vậy, T2 phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho T. Bị cáo T đã nhiều lần đến nhà T2 tại địa chỉ số C P, Phường B, quận P (nay là phường C, Tp .) tìm T2 để đòi số tiền trên nhưng không gặp và có nói sự việc T2 nợ tiền của bị cáo T cho gia đình T2 biết, rồi đi về.

Từ đó, bị cáo T đã thuê bị cáo Phan Thị Bích P làm nghề chạy xe ôm chở nam thanh niên (chưa rõ nhân thân lai lịch) tạt chất bẩn vào nhà địa chỉ nêu trên vào các ngày 17/9/2023, 06/10/2023, 11/10/2023 và 02/11/2023 do bà Lê Thị

Bích P2 làm chủ sở hữu. Nhằm mục đích gây áp lực, ép T2 và gia đình T2 (gồm những người đang cư ngụ trong nhà là bà Lê Thị B - bà ngoại T2 và ông Lê Hồng T3 (cậu của T2) phải trả lại số tiền 79.000.000 đồng mà bị cáo T đã trả nợ cho C1 thay cho T2. Đồng thời, ngày 13/11/2023, Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P có văn bản số 337/UBND xác định vụ việc tạt chất bẩn xảy ra tại nhà 3 P, Phường B, quận P nêu trên đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Tại khoản 1 khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự, quy định: “*Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản...*”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d. *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*

đ. *Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; ...*”

Như vậy, hành vi khách quan của bị cáo T và bị cáo P2 đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d điểm đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

[2] Với hành vi khách quan nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T và bị cáo Phan Thị Bích P về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d điểm đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo P 03 (ba) năm tù, là trong khung hình phạt. Có sự phân hóa giữa người cầm đầu và người thực hành theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xét trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hai bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện nhưng cho rằng không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo bản án sơ thẩm đã quy kết, đề nghị được xem xét giảm hình phạt theo hướng có lợi nhất không phải chấp hành hình phạt tù. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Đã dùng thủ đoạn tạt chất bẩn vào nhà người khác để uy hiếp tinh thần của họ để nhằm lấy lại số tiền đã cho vay. Đúng ra khi bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận thì bên cho vay được quyền khởi kiện dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Nhưng bị cáo T và đồng phạm đã không chọn cách được pháp luật bảo hộ mà đã chọn cách đòi nợ không đúng quy định của pháp luật nên phải chịu hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét hành vi khách quan của các bị cáo thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội phạm như: tội “Hủy hoại tài sản”, tội “Gây rối trật tự công cộng”, tội “Cuồng đoạt tài sản” thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn. Trong đó tội “Cuồng đoạt tài sản” là tội nặng hơn 02 tội còn lại.

Vì vậy, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của hai bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả của hành vi phạm tội thì tội danh và mức án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với hai bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Với lập luận tại đoạn [1] và [2] là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo, luận cứ của luật sư bào chữa cho hai bị cáo; chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Xét về án phí hình sự phúc thẩm: mỗi bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu T, bị cáo Phan Thị Bích P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm d điểm đ khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

3. Căn cứ điểm d điểm đ khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Xử phạt bị cáo Phan Thị Bích P 03 (ba) năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền 400.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- TAND Tối cao;(1) **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Tp . HCM;(3)
- VKSND Khu vực 5; (1)
- THA-DS Khu vực 5; (1)
- TAND Khu vực 5; (2)
- Công an Tp . HCM; (1)
- Phòng PV 06 - CA Tp. HCM;(1)
- Bị cáo;(2)
- Bị hại; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (21) (4)